

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 01:2026/ANOVA

CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA	Tên sản phẩm MIAQUA	Phiên bản: 01 Ngày hiệu lực: 05/05/2026 Ngày cập nhật: 05/05/2026
---	--------------------------------------	--

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh của sản phẩm MIAQUA mục đích Xử lý môi trường (Nhóm Premix khoáng) dùng trong nuôi trồng thủy sản do CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA công bố và chịu trách nhiệm về hàng hóa.

Tài liệu viện dẫn:

TCVN 1532:1993, Thức ăn chăn nuôi - Phương pháp thử cảm quan.

TCVN 6952:2018, (ISO 6498:2012), Thức ăn chăn nuôi - Chuẩn bị mẫu thử.

TCVN 13053:2021, Lấy mẫu sản phẩm xử lý môi trường NTTS

TCVN 4326:2001 (ISO 6496:1999), Thức ăn chăn nuôi - Xác định Độ ẩm.

TCVN 9588:2013, Xác định hàm lượng Asen, Cadimi, Chì

EN 16277:2012, Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)

TCCS 048:2017/TTKNII, Xác định hàm lượng Canxi, Magie, Kali

YÊU CẦU KỸ THUẬT

2. Nguyên vật liệu: CaCO₃, CaCl₂, MgCl₂, KCl, Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551) vừa đủ 1 kg

3. Công thức phối chế: Phối chế theo công thức quy định của công ty.

4. Chỉ tiêu kỹ thuật:

(Chỉ tiêu kỹ thuật được xây dựng và công bố theo quy định tại Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)

4.1 Nhóm chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Dạng sản phẩm	Bột	TCVN 1532:1993
2	Màu sắc	Trắng	
3	Mùi vị	Đặc trưng	

4.2 Nhóm chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp phân tích
1	Ca (CaCO ₃ , CaCl ₂)	Min	mg/kg	300 000	TCCS 048:2017/TTKNII
2	Mg (MgCl ₂)	Min	mg/kg	30 000	TCCS 048:2017/TTKNII
3	K (KCl)	Min	mg/kg	7 000	TCCS 048:2017/TTKNII
4	Độ ẩm	Max	%	10	TCVN 4326:2001
5	Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551)	Vừa đủ	-	1kg	

4.3 Nhóm chỉ tiêu an toàn

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	Max	mg/kg (lít)	12	TCVN 9588:2013
2	Cadimi (Cd)	Max	mg/kg (lít)	5	TCVN 9588:2013
3	Chì (Pb)	Max	mg/kg (lít)	15	TCVN 9588:2013
4	Thủy ngân (Hg)	Max	mg/kg (lít)	0,2	EN 16277:2012

Công dụng:

Giúp tôm nhanh cứng vỏ sau khi lột xác.

Hỗ trợ tăng độ kiềm, ổn định pH và hạn chế biến động môi trường

Trước khi thả nuôi: 1.5 kg/ 1000 m³ nước.

Tôm mềm, mỏng vỏ: 2 kg/ 1000 m³ nước.

- Thời gian ngưng sử dụng trước khi thu hoạch: Không

6.1 Đóng gói

- ## 6.2 Ghi nhận

- Bảo quản Nơi khô, thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp. Để xa tầm tay trẻ em

7. **Vận chuyển:** Phương tiện vận chuyển sản phẩm phải đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y thủy sản (khô, sạch, không có chất độc hại hoặc bệnh truyền nhiễm...)

GIÁM ĐỐC



Vô Bá Bình

50762

ONG T
IH SX
UA N

1 KHẮT